

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

HƯỚNG DẪN CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ HỒ SƠ LIÊN QUAN
ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

A. VĂN BẢN QUY ĐỊNH

- Bộ luật Lao động năm 2019: Từ Điều 151 - Điều 157;
- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ;
- Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/09/2023 của Chính phủ

B. CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ VÀ THỰC HIỆN

I. BƯỚC 1 - Xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (LĐNN)

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (người sử dụng lao động trừ nhà thầu)

Thực hiện Mẫu 1/PLI, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP	Thực hiện Mẫu 2/PLI, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP
Xác định nhu cầu sử dụng người LĐNN và báo cáo giải trình trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người LĐNN	Nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người LĐNN về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì người sử dụng lao động phải báo cáo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người LĐNN.
<p>Lưu ý:</p> <p>Kể từ ngày 01/01/2024, trong thời gian ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình, người sử dụng lao động thực hiện thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người LĐNN trên Công thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) hoặc Công thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm nơi người LĐNN dự kiến làm việc.</p> <p>Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm: vị trí và chức danh công việc, mô tả công việc, số lượng, yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, mức lương, thời gian và địa điểm làm việc.</p> <p>Sau khi không tuyển được người lao động Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng người LĐNN, người sử dụng lao động có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người LĐNN và thực hiện báo cáo giải trình.</p>	

Các trường hợp không cần thực hiện giải trình nhu cầu sử dụng người LĐNN:

- Khoản 3, 4, 5, 6, 8, Điều 154 Bộ luật Lao động

"3. Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

4. Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.

5. Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.

6. Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật luật sư

8. Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.”

- Khoản 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP

“1. Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty TNHH có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

2. Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

4. Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài.

5. Được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

7. Tình nguyện viên quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

8. Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.

9. Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật.

10. Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam.

11. Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

12. Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức CT-XH.

13. Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.

14. Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận người LDNN vào Việt Nam để giảng dạy, nghiên cứu.”

2. Đối với nhà thầu

Trước khi tuyển người LDNN, nhà thầu có trách nhiệm kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của người LDNN cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người LDNN theo Mẫu 4/PLI, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP

Trường hợp nhà thầu có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã kê khai thì chủ đầu tư phải xác nhận phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu lao động cần sử dụng của nhà thầu theo Mẫu số 5/PLI, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

III. BƯỚC 2 - Thực hiện hồ sơ giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp gplđ, thông báo không thuộc trường hợp xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ

1. Giấy phép lao động

	Cấp mới	Cấp lại	Gia hạn
Thành phần hồ sơ	Điều 9, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, Khoản 5, Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP	Điều 13, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP	Điều 17, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP
Điều kiện	Trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng LĐNN	Thuộc trường hợp: - Bị mất, bị hỏng. Thay đổi họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc - Đổi tên DN mà không thay đổi mã số DN ghi trong GPLĐ còn thời hạn	GPLĐ đã được cấp còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày
Thời gian giải quyết	05 ngày làm việc	01 ngày làm việc	03 ngày làm việc
Kết quả nhận	Giấy phép lao động		

2. Xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ

	Người LĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ
Đối tượng thực hiện	<p>- Khoản 3, 5, 7 Điều 154 của Bộ luật Lao động:</p> <p>“3. Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. 5. Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được. 7. Trường hợp theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”</p> <p>- Khoản 3, 4, 5, 7, 9, 10, 12, 13 Điều 8, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP</p> <p>“3. Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, bao gồm: kinh doanh, thông tin, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, tài chính, y tế, du lịch, văn hóa giải trí và vận tải 4. Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài. 5. Được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. 7. Tình nguyện viên. 9. Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật.</p>

	<p>10. HS-SV đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam.</p> <p>12. Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>13. Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.”</p> <p>- Khoản 6, 14 Điều 8, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP</p> <p>“6. Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy hoặc làm nhà quản lý, giám đốc điều hành tại cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam; các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, tham gia</p> <p>14. Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận người LĐNN vào Việt Nam để thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Giảng dạy, nghiên cứu.</p> <p>b) Làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam.”</p>
Thành phần hồ sơ	Theo khoản 3, Điều 8, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP
Thời gian thực hiện	Trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày người LĐNN bắt đầu làm việc
Thời gian giải quyết	3 ngày làm việc
Kết quả nhận được	Giấy xác nhận (Mẫu số 10/PLI Nghị định số 152/2020/NĐ-CP)

3. Thông báo không thuộc trường hợp xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ

	Thông báo không thuộc trường hợp xác nhận người LĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động
Đối tượng thực hiện	<p>Khoản 4, 6 Điều 154 của Bộ luật Lao động</p> <p>“4. Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chàobán dịch vụ.</p> <p>6. Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.”</p> <p>Khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP</p> <p>“ 1. Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.</p> <p>2. Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.</p> <p>8. Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.</p> <p>11. Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 2 Nghị định này.”</p>

Thành phần hồ sơ (không quy định mẫu)	- Thông báo có các thông tin: Họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu; Thông tin của tổ chức, doanh nghiệp (tên, địa điểm làm việc); Ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc - Tài liệu đính kèm chứng minh thuộc các đối tượng nêu trên
Thời gian thực hiện	Trước ít nhất 03 ngày, kể từ ngày người LĐNN bắt đầu làm việc
Kết quả nhận được	Không có, chỉ quy định doanh nghiệp thực hiện thông báo gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

IV. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và hình thức nộp

1. Đối tượng nộp hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Thực hiện theo quy định tại điểm đ, khoản 11, Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ, gồm:

- Làm việc cho người sử dụng lao động, cụ thể:
 - + *Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;*
 - + *Nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng;*
 - + *Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;*
 - + *Tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;*
 - + *Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã;*
 - + *Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động KD theo quy định của pháp luật.*
- Làm việc cho cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, cụ thể:
 - + *Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập;*
 - + *Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*
 - + *Tổ chức sự nghiệp, cơ sở giáo dục được thành lập theo quy định của pháp luật;*
- Làm việc cho người sử dụng lao động tại nhiều địa điểm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Địa điểm tiếp nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- Địa chỉ: 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3

3. Hình thức nộp

- Tạo lập và nộp hồ sơ tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố Hồ Chí Minh - <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/vi/>

The screenshot shows the homepage of the HCMC Online Service Portal. The header includes the logo of the HCMC Government, the name 'HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH', and navigation links for 'Đăng nhập' and 'Đăng ký'. Below the header, there are links for 'Dịch vụ công trực tuyến', 'Tra cứu hồ sơ', 'Thủ tục hành chính', 'Phản ánh kiến nghị', 'Đánh giá hải lòng', and 'Giám sát - Đánh giá'. A search bar is present with the placeholder text 'Nhập từ khóa tìm kiếm dịch vụ công trực tuyến'. The main content area is titled 'DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRUY CẬP THƯỜNG XUYÊN' and contains a notice about the system's operation starting from 29/10/2022. Below the notice, there are three columns of services: 'CÔNG DÂN', 'DOANH NGHIỆP', and 'DỊCH VỤ CÔNG THIẾT YẾU'. Each column lists several services with checkboxes.

CÔNG DÂN	DOANH NGHIỆP	DỊCH VỤ CÔNG THIẾT YẾU
<input type="checkbox"/> Cấp tại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<input type="checkbox"/> Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	<input type="checkbox"/> Xác nhận có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân (thực hiện tại cấp huyện)
<input type="checkbox"/> Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài	<input type="checkbox"/> Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<input type="checkbox"/> Thời thẻ căn cước công dân
<input type="checkbox"/> Tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích vượt xuất		<input type="checkbox"/> Cấp lại thẻ Căn cước công dân
<input type="checkbox"/> Tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành		<input type="checkbox"/> Đăng ký thương hiệu